

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DSST

Ngày: 20-02-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Nhiễm;

Ông Lê Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST-DS, ngày 20-10-2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS, ngày 01-02-2022; giữa:

Nguyên đơn: Chị Thanh Thị Chanh Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Thạch Thị Hoanh N, sinh năm 1980 và anh Thạch Tấn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Thạch Thị M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Chị Sơn Thị Sa R, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

3. Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

4. Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

5. Chị Thạch Thị Ph, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

6. Chị Sơn Thị Sa Vg, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

7. Chị Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

8. Chị Sơn Thị H sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

09. Chị Thạch Thị Khanh, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

10. Bà Thạch Thị , sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

11. Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

12. Bà Thạch Thị Hg, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

13. Chị Thạch Thị Ch, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

14. Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

15. Ông Thạch Thuonl, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ trình bày:

Ngày 30/11/2019 DL chị có tổ chức khai 32 dây hội, chị Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L tham gia 15 dây (từ dây số 17 đến 32, danh sách hội tên Rinh và Tân Ni), mỗi dây tham gia 01 phần, hình thức tham gia góp hội được thỏa thuận như sau: Loại hội 5.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chị có giao danh sách hội viên cho các hội viên tham gia theo dõi, mỗi dây hội gồm có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng bằng 1.500.000 đồng/lần hót, nửa tháng khai 01 lần, sau khi khai hội, chủ hội có trách nhiệm gom tiền của các hội viên rồi giao cho người trúng thăm hót hội, 32 dây hội chị tổ chức khai đến lần thứ 13, ở lần khai thứ 14 chị úp hội, mỗi dây còn lại 03 lần khai mới mãn hội, cụ thể từng dây hội chị Hoanh N và anh L tham gia và bỏ thăm hót hội như sau:

Dây 17: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 06 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 07 chị N, anh L bỏ thăm 3.670.000 đồng, là người trúng thăm hót hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 60.700.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hót hội chị N, anh L đóng hội chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 3.990.000 đồng.

Dây 18: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01, 02 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 03 chị N, anh L bỏ

thăm 2.500.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 41.000.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.500.000 đồng.

Dây 19: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 05 chị N, anh L đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 06 chị N, anh L bỏ thăm 3.590.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 37.600.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.230.000 đồng.

Dây 20: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 04 chị N, anh L đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 05 chị N, anh L bỏ thăm 2.500.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 46.000.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.500.000 đồng.

Dây 21: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 03 chị N, anh L đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 04 chị N, anh L bỏ thăm 2.500.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 43.500.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.500.000 đồng.

Dây 22: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 09 chị N, anh L đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 10 chị N, anh L bỏ thăm 3.600.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 51.900.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.200.000 đồng.

Dây 23: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 11 chị N, anh L đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 12 chị N, anh L bỏ thăm 3.210.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 60.660.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 5.370.000 đồng.

Dây 24: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 10 chị N, anh L đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 11 chị N, anh L bỏ thăm 3.890.000 đồng, là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi chị N, anh L được nhận bằng 54.050.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi chị N, anh L đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 3.330.000 đồng.

Dây 25: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, ở lần khai hội thứ 01 chị N, anh L bỏ thăm 1.500.000 đồng, là người trúng thăm hốt hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 51.000.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hội chị N, anh L đóng hội chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 10.500.000 đồng.

Dây 26: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 07 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 08 chị N, anh L bỏ thăm 3.700.000 đồng, là người trúng thăm hốt hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 43.900.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hội chị N, anh L đóng hội chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 3.900.000 đồng.

Dây 27: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 08 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 09 chị N, anh L bỏ thăm 3.730.000 đồng, là người trúng thăm hốt hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 47.390.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hội chị N, anh L đóng hội chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 3.810.000 đồng.

Dây 28: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, ở lần khai hội thứ 01 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 02 chị N, anh L bỏ thăm 2.500.000 đồng, là người trúng thăm hốt hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 38.500.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hội chị N, anh L đóng hội chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 7.500.000 đồng.

Dây 29: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 10 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 11 chị N, anh L bỏ thăm 3.890.000 đồng, là người trúng thăm hốt hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 54.050.000 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hội chị N, anh L đóng hội chết đến lần thứ 13, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 3.330.000 đồng.

Dây 30: Chị Hoanh N và anh L tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 12 chị N, anh L đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 13 chị N, anh L bỏ thăm 3.800.000 đồng, là người trúng thăm hốt hội, tiền hội chị N, anh L được nhận bằng 62.100.00 đồng đã trừ huê hồng, chị giao tiền cho chị N, anh L nhận, không có làm giấy tờ, yêu cầu chị N, anh L trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 3.600.000 đồng.

Tổng cộng chị Chanh Đ yêu cầu ở các dây hội trên bằng 76.260.000 đồng, nay chị thông nhất yêu cầu chị N, anh L trả lại tiền hội nhận bằng 72.260.000 đồng đúng với biên bản hai bên thỏa thuận. Chị Hoanh N, anh L còn sống 02 dây hội số 31, 32 hội đã khai đến lần thứ 13. Tại biên nhận hội viên thiếu tiền hội ngày 06/02/2021, giữa chị với chị Hoanh N có tính toán tiền hội sống, hội chết cụ thể: Chị N, anh L nợ chị bằng 72.260.000 đồng, chị Đ nợ chị N, anh L 02 phần hội sống dây số 31, 32 bằng 48.380.000 đồng, hai bên đồng ý cân trừ lại, cho nên chị N, anh L còn nợ lại chị Chanh Đ bằng 27.880.000 đồng.

Nay chị Đ yêu cầu chị Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L trả lại tiền hui đã nhận tổng cộng bằng 27.880.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2019 DL, dây hui số: 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30). Chị Đ không yêu cầu tính lãi.

Chị Thạch Thị Chanh Đ có đơn xin vắng mặt.

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án có L biên bản về việc không tiến hành lấy lời khai được đối với chị Hoanh N và anh L, nên không xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến trình bày: Ngày 30/11/2019, chị Chanh Đ có tổ chức khui 32 dây hui, loại hui 5.000.000 đồng, mỗi dây có 16 phần, chị Chanh Đ úp hui ở lần khui thứ 13, tất cả 32 dây hui trên còn 03 lần khui nữa mới mãn hui. Sau khi úp hui chủ hui và hui viên có tính toán căn trừ 03 lần tiền hui ở các dây hui trên xong, không có ai khởi kiện chị Chanh Đ, các phần hui sống mà chị Chanh Đ khởi kiện chị N và anh L thống nhất để cho chị Chanh Đ giải quyết với chị Hoanh N và anh L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 15 danh sách hui viên (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Chanh Đ và 01 Sổ hộ khẩu tên Đ (photo); các biên nhận tính tiền hui giữa chủ hui với hui viên (photo); Biên nhận hui viên tính tiền hui ngày 06/02/2021 của chị Chanh Đ với chị N; Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn, chị Sa Rane, bà Thạch Thị Hồng và bà Thạch Thị Thone chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Chanh Đ.
2. Buộc chị Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L trả cho chị Thạch Thị Chanh Đ tiền hui đã nhận tổng cộng bằng 27.880.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2019 DL, dây hui số: 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30); Chị Thạch Thị Chanh Đ không yêu cầu tính lãi.
3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc L.

Chị Thạch Thị Chanh Đ, chị Thạch Thị Mười, chị Sơn Thị Sa Ry, chị Thạch Thị Thâm, chị Thạch Thị Phương, chị Sơn Thị Sa Vương, chị Sơn Thị Hồng, chị Thạch Thị Kim Lành, bà Thạch Thị Mẫn, chị Thạch Thị Thy, chị Trần Thị Hà, chị Thạch Thị Chênh và anh Thạch Thuronl có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Chị Thạch Thị Hoanh N, anh Thạch Tấn L, chị Sơn Thị Sa Rane, bà Thạch Thị Hồng và bà Thạch Thị Thone trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Chanh Đ yêu cầu chị Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L trả lại 03 lần tiền hui đã nhận tổng cộng bằng 27.880.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2019 DL, dây hui số: 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30), chị Chanh Đ không yêu cầu tính lãi.

[3]. Đối với chị Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Chanh Đ, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà chị Chanh Đ nộp khởi kiện gồm: đơn khởi kiện, 15 danh sách hui viên thể hiện anh, chị là hui viên có tham gia góp hui ở các dây hui trên và những chứng cứ khác có liên quan để anh, chị có ý kiến hoặc phản bác về những chứng cứ mà chị Chanh Đ nộp khởi kiện anh, chị. Trong quá trình giải quyết những hui viên còn sống cũng có ý kiến thống nhất vào ngày 30/11/2019, chị Chanh Đ có tổ chức khai 32 dây hui, loại hui 5.000.000 đồng, mỗi dây có 16 phần, chị Chanh Đ úp hui ở lần khai thứ 13, tất cả các dây hui trên còn 03 lần khai nữa mới mãn hui. Sau khi úp hui chủ hui và hui viên đã tính toán cản trừ 03 lần tiền hui sống ở các dây hui trên xong, không có ai khởi kiện chị Chanh Đ, thống nhất để cho chị Chanh Đ giải quyết với chị Hoanh N và anh L.

[4]. Tại biên nhận hui viên thiếu tiền hui ngày 06/02/2021, giữa chị Chanh Đ với chị Hoanh N cũng có tính toán tiền hui sống, hui chết cụ thể: Chị N anh L nợ chị Chanh Đ 13 dây hui bằng 72.260.000 đồng, chị Chanh Đ nợ chị N, anh L 02 phần hui sống dây số 31, 32 bằng 48.380.000 đồng, hai bên đồng ý cản trừ lại xong, cho nên chị N, anh L còn nợ lại chị Chanh bằng 27.880.000 đồng chị Chanh Đ yêu cầu chị N, anh L cùng có trách nhiệm trả. Do chị Hoanh N và anh

L không có ý kiến về nội dung chỉ Chanh Đ khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, chỉ Chanh Đ không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn chỉ Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chỉ Thạch Thị Chanh Đ không phải chịu án phí.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và các Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phurong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chỉ Thạch Thị Chanh Đ.

2. Buộc chỉ Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L trả cho chỉ Thạch Thị Chanh Đ tiền hui đã nhận tổng cộng bằng 27.880.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2019 DL, dây hui số: 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30); Chỉ Thạch Thị Chanh Đ không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. **Về án phí**: Buộc bị đơn chỉ Thạch Thị Hoanh N và anh Thạch Tấn L phải chịu 1.394.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chỉ Thạch Thị Chanh Đ không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 1.906.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011648 ngày 20-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho chỉ Thạch Thị Chanh Đ.

5. **Về quyền kháng cáo**: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm